TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **195**/2024/DS-PT Ngày 17–6– 2024 V/v: "*Tranh chấp di sản thừa kế*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Duy Tuấn.

Các thẩm phán: Ông Văn Công Dần, ông Nguyễn Đình Triết.

- Thư ký phiên toà: Bà Khổng Thị Hoa - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2024/DS – PT ngày 10/4/2024 về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế". Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 148/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lữ Thị G; Địa chỉ: Số A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lữ Thị G: Bà Đặng Thanh Q Địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Số B A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Hoàng Ngọc T; Địa chỉ: Số A T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số nhà A Buôn E, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M.

5. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y; Địa chỉ: Số D L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Hoàng O; Địa chỉ: Số D L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Lữ Thị Giàu c chồng là ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1935, chết ngày 26/10/2013 theo Giấy chứng tử số 83, quyển số 01/2013 do UBND phường T, có 06 người con chung là Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn M (đã chết ngày 10/11/2021), Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn D. Trước khi chết, ông Nguyễn Văn T2 không để lại Di chúc. Bố mẹ đẻ của ông Nguyễn Văn T2 đã mất từ lâu.

Khi ông T2 còn sống, hai vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 50, tờ bản đồ 15, địa chỉ: phường T, Tp ., Đắk Lắk. Năm 2019, thửa đất bị Nhà nước thu hồi để thực hiện công trình Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đ. Qua xác minh, lập hồ sơ thu hồi để bồi thường, các cơ quan chức năng xác định thửa đất trên là tài sản chung của bà G và ông T2, ông T2 đã chết không để lại di chúc nên bà G và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 (gồm bà G và 06 người con) là những người được hưởng chế độ, chính sách trong việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất. Thực hiện việc giao đất tái định cư, Nhà nước đã tiến hành giao thửa đất số 151 (thửa cũ A34), tờ bản đồ 24, địa chỉ: Khu tái định cư D L, phường T, Tp ., Đắk Lắk cho chúng tôi theo Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND thành phố B. Theo T3 bảo nộp tiền sử dụng đất và Thông báo nộp lệ phí trước bạ ngày 31/5/2022 của Chi cục thuế thành phố B thì chúng tôi phải thực hiện nghĩa vụ đóng số tiền là 1.637.748.000đồng.

Sau khi nhận được những thông báo này, bản thân một mình bà G không thể đảm đương có nổi số tiền tỷ để đóng cho nhà nước; vì vậy với vai trò là mẹ, người lớn nhất trong gia đình cũng là một trong các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 đã đề nghị các con đóng góp để nộp tiền cho nhà nước nhưng người con là Nguyễn Thị H không chịu đóng góp và cho rằng đây là thửa đất mà một mình H được hưởng; đồng thời không ký bất kỳ văn bản, giấy tờ nào và không thực hiện phân chia theo quy định để tôi quyết định các vấn đề liên quan đến thửa đất. Thời gian trôi qua đã lâu nhưng nội bộ gia đình không giải quyết được, trong khi đó, nếu không nộp tiền theo đúng thời hạn của Chi cục thuế thông báo thì bản thân tôi phải chịu thêm nhiều khoản phí, lãi chậm nộp ...và không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhận thấy, sự việc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bản thân tôi cũng như một số người con là người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2. Tôi làm Đơn này khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, đề nghị:

1. Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 để lại là thửa đất số 151 (thửa cũ A34), tờ bản đồ 24, địa chỉ: Khu tái định cư D L, phường T, Tp ., Đắk Lắk do Nhà nước giao thành 07 phần cho các cá nhân: Lữ Thị G, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn M (những người thừa kế của ông M), Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn D.

2. Bà Lữ Thị Giàu c nghĩa vụ trả giá trị phần thừa kế cho 06 người thừa kế còn lại là: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn M (những người thừa kế của ông M),

Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn D, để bà G hưởng toàn bộ giá trị lô đất tái định cư là thửa đất số 151, tờ bản đồ 24, địa chỉ: phường T, Tp ., Đắk Lắk.

Tại tự khai của bị đơn bà Nguyễn Thị H và tại đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Hoàng Ngọc T cùng trình bày: Bà Nguyễn Thị H cho rằng vợ chồng bà đủ điều kiện để được giao đất tái định cư, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố B lại giao cho bà Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 là không đúng mà phải giao riêng cho bà Hồng

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn D cùng thống nhất trình bày:

Chúng tôi là con đẻ của bà Lữ Thị G và ông Nguyễn Văn T2, có 06 người con chung là Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn M (đã chết ngày 10/11/2021), Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn D. Trước khi chết, cha chúng tôi không để lại Di chúc. Cha mẹ chúng tôi lúc còn sống có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: phường T, Tp ., Đắk Lắk, thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, thửa đất bị nhà nước thu hồi để thực hiện công trình Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đ. Tài sản trên là tài sản chung của cha mẹ tôi, vì cha chúng tôi mất không để lại Di chúc nên khi thực hiện thủ tục thu hồi đất thì chính quyền địa phương có đưa 06 người con và mẹ chúng tôi vào là người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 để làm thủ tục thu hồi đất, bồi thường, tái định cư. Thực hiện việc giao đất tái định cư, Nhà nước đã tiến hành giao thửa đất số 151 (thửa cũ A34), tờ bản đồ 24, địa chỉ: Khu tái định cư D L, phường T, Tp ., Đắk Lắk cho chúng tôi theo Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND thành phố B. Theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất và Thông báo nộp lệ phí trước bạ ngày 31/5/2022 của Chi cục thuế thành phố B thì bà G phải thực hiện nghĩa vụ đóng số tiền là 1.637.748.000đồng.

Nay mẹ chúng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 để lại là giá trị thửa đất số 151 (thửa cũ A34), tờ bản đồ 24, địa chỉ: Khu tái định cư D L, phường T, Tp ., Đắk Lắk do nhà nước giao thành 07 phần cho các cá nhân: Lữ Thị G, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn M (những người thừa kế của ông M), Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn D. Bà Lữ Thị Giàu c nghĩa vụ thanh toán giá trị phần thừa kế cho 06 người thừa kế còn lại là: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn M (những người thừa kế của ông M), Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn D, để bà G hưởng toàn bộ giá trị lô đất tái định cư là thửa đất số 151, tờ bản đồ 24, địa chỉ: phường T, Tp ., Đắk Lắk thì chúng tôi đồng ý.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M là bà Nguyễn Thị Hoàng Y và bà Nguyễn Thị Hoàng O thống nhất trình bày: Ông Nguyễn Văn M là con của bà Lữ Thị G và ông Nguyễn Văn T2. Khi ông M chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông M gồm có 2 người là bà Nguyễn Thị Hoàng Y và bà Nguyễn Thị Hoàng O, ngoài ra không còn người thừa kế nào khác. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y xin được hưởng 70% phần

thừa kế của ông M, bà Nguyễn Thị Hoàng O xin được hưởng 30% phần thừa kế của ông M.

Tại bản án sơ thẩm số 24/2024/DSST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 609, 612, 616, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lữ Thị G.

Giao cho bà Lữ Thị G được đứng tên và toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 151 (thửa cũ A34), tờ bản đồ 24, địa chỉ: Khu tái định cư D L, phường T, thành phố B, Đắk Lắk; theo Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc giao đất cho hộ Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2.

Buộc bà Lữ Thị G phải nộp số tiền thuế, phí theo quy định *(Hiện đang nợ tiền sử dụng đất theo quy định là 1.629.600.000 đồng; tiền lệ phí trước bạ nhà đất là 8.148.000 đồng; tiền chậm nộp tính đến ngày 06/02/2024 là 273.249.698 đồng)*. Bà Lữ Thị Giàu c quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Lữ Thị G phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Văn H1; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị P; ông Nguyễn Văn D mỗi người với số tiền là 127.785.879 đồng.

Buộc bà Lữ Thị G phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y số tiền là 89.450.115 đồng.

Buộc bà Lữ Thị G phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền là 38.335.764 đồng.

Về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/02/2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án, theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H hủy bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị G.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2024/DS-ST, ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung: Vợ chồng cụ Lữ Thị G và cụ Nguyễn Văn T2 tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất có diện tích 50,8m^2 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại số B đường H, phường T, thành phố B. Cụ T2 chết năm 2013 không có di chúc nên nhà đất tại số B H là tài sản chung của bà G và các con là ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn D và tài sản này chưa được chia theo pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị G, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H hủy bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 17/01/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 350/QĐ-UBND, với nội dung: Thu hồi 50,8m^2 đất ở tại đô thị của bà Lữ Thị G và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2, thuộc toàn bộ thửa đất số 50, thuộc tờ bản đồ số 15 tại phường T, thành phố B. Lý do thu hồi: Đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đ.

Ngày 16/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8655/QĐ-UBND để giao cho bà Lữ Thị G làm đại diện những đồng thừa kế, địa chỉ thường trú: Phường T, thành phố B, 01 thửa đất tại Khu tái định cư Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để sử dụng vào mục đích đất ở, cụ thể như sau: Thửa số 48 (thửa cũ 26), tờ bản đồ 21 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 80,12m^2. Hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

Ngày 12/5/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 2850/QĐ-UBND để *"giao cho hộ Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2, địa chỉ thường trú: Phường T, thành phố B, 01 thửa đất tại Khu tái định cư D L, phường T, thành phố B để sử dụng vào mục đích đất ở, cụ thể như sau:*

Thửa đất số 151 (thửa cũ A-34), tờ bản đồ 24, diện tích 77,6m^2. Hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất".

Bà Nguyễn Thị H cho rằng vợ chồng bà đủ điều kiện để được giao đất tái định cư, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố B lại giao cho bà Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 là không đúng mà phải giao riêng cho bà H nên khởi kiện vụ án hành chính. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 337/2023/HC-PT ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thể hiện nội dung:

Tại khoản 1 Điều 212 Bộ luật dân sự quy định sở hữu chung của các thành viên gia đình quy định "*Tài sản của* các *thành viên gia đình cùng sống chung là tài sản do các thành viên đóng góp, cùng nhau lập nên và những tài sản* khác *được xác lập quyền sở* hữu *theo quy định của Bộ luật này và luật khác* có *liên quan".*

Tại Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định như sau: "Điều 15. Bồi *thường về* đất *đối với những người đang đồng quyền* sử *dụng đất*: *"1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân* đang *sử dụng* đất *chung có đồng quyền* sử *dụng đất, khi Nhà nước thu hồi* đất *được bồi thường theo diện tích đất thuộc quyền sử dụng; nếu không có giấy tờ xác định diện* tích đất *thuộc quyền sử dụng riêng của tổ* chức*, hộ gia đình, cá nhân* thì bồi *thường chung cho các đối tượng có đồng quyền* sử *dụng đất".*

Đối chiếu với những quy định trên, thì sau khi Nhà nước thu hồi toàn bộ nhà đất số B đường H, phường T, xét thấy hộ gia đình bà Giàu có nhiều thành viên nên Ủy ban nhân dân thành phố B đã giao 02 lô đất là thửa số 48, tờ bản đồ số 21 và thửa đất số 151, tờ bản đồ 24 với hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Do 2 thửa đất được cấp tái định cư xuất phát từ việc thu hồi tài sản chung nên 2 thửa đất nêu trên cũng là tài sản chung của bà G và các con. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố B đã "*giao cho hộ Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2"* là đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H với cụ G và những người thừa kế của cụ T2 không thể thỏa thuận khi phân chia 2 thửa đất tái định cư, thì bà H có quyền khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp đất tại Tòa án.

Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của Lữ Thị G yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T2 để lại là giá trị thửa đất số 151 (thửa cũ A34), tờ bản đồ 24, địa chỉ: Khu tái định cư D L, phường T, Tp ., Đắk Lắk là đúng quy định pháp luật cần chấp nhận.

Về phân chia: Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường là 3.700.000.000đồng.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T2 có 07 người: Bà Lữ Thị G; ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Văn M (những người thừa kế của ông Nguyễn Văn M); ông Nguyễn Văn H1; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị P; ông Nguyễn Văn D.

Giao cho bà Lữ Thị G được đứng tên và quản lý thửa đất số 151 (thửa cũ A34), tờ bản đồ 24, địa chỉ: Khu tái định cư D L, phường T, Tp ., Đắk Lắk *(Hiện đang nợ tiền sử dụng đất theo quy định là 1.629.600.000 đồng; tiền lệ phí trước bạ*

nhà đất là 8.148.000 đồng; tiền chậm nộp tính đến ngày 06/02/2024 là 273.249.698 đồng).

Buộc bà Lữ Thị G phải nộp số tiền thuế, phí tương ứng với thửa đất được nhận khi đến hạn. Bà Lữ Thị Giàu c quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Buộc bà Lữ Thị Giàu c trách nhiệm thanh toán lại cho 6 người: Ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Văn M (những người thừa kế của ông M); ông Nguyễn Văn H1; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị P; ông Nguyễn Văn D.

Mỗi người với số tiền là (3.700.000.000 đồng – 1.910.997.698 đồng) = 1.789.002.302 đồng : 2 (tài sản chung của bà Lữ Thị G và ông Nguyễn Văn T2) = 894.501.151 đồng : 7 người (thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T2) = 127.785.879 đồng.

Đối với những người thừa kế của ông Nguyễn Văn M là bà Nguyễn Thị Hoàng Y và bà Nguyễn Thị Hoàng O cùng thống nhất:

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Y được chia số tiền: 127.785.879 đồng x 70% = 89.450.115 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Hoàng O được chia số tiền: 127.785.879 đồng x 30% = 38.335.764 đồng.

Việc chia di sản theo quy định pháp luật là có căn cứ đúng theo quy định pháp luật.

Từ phân tích, nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Ngọc T.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 609, 612, 616, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lữ Thị G.

Giao cho bà Lữ Thị G được đứng tên và toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 151 (thửa cũ A34), tờ bản đồ 24, địa chỉ: Khu tái định cư D L, phường T,

thành phố B, Đắk Lắk; theo Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc giao đất cho hộ Lữ Thị G cùng những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T2.

Buộc bà Lữ Thị G phải nộp số tiền thuế, phí theo quy định *(Hiện đang nợ tiền sử dụng đất theo quy định là 1.629.600.000 đồng; tiền lệ phí trước bạ nhà đất là 8.148.000 đồng; tiền chậm nộp tính đến ngày 06/02/2024 là 273.249.698 đồng)*. Bà Lữ Thị Giàu c quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Lữ Thị G phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Văn H1; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị P; ông Nguyễn Văn D mỗi người với số tiền là 127.785.879 đồng.

Buộc bà Lữ Thị G phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y số tiền là 89.450.115 đồng.

Buộc bà Lữ Thị G phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền là 38.335.764 đồng.

Về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**** Về chi phí tố tụng:*** Bà Lữ Thị G tự nguyện chịu số tiền 3.000.000đồng chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

**** Về án phí:*** Bà Lữ Thị G và ông Nguyễn Văn T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Văn H1; bà Nguyễn Thị P; ông Nguyễn Văn D mỗi người phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.389.294 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hoàng Y phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.472.506 đồng. Bà Nguyễn Thị Hoàng O phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.916.788 đồng.

[2] Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội;

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005424 ngày 04/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Tuấn